

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
_____*_*_*____

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

**HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ DỪA –
CHACHEER SUNFLOWER SEEDS COCONUT
FLAVOR**

TCCS 77/VDN/2023

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: dl-hha@vedaninternational.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 77/VDN/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 / Fax: 0251.3825138

E-mail: dl-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Hạt Hướng Dương ChaCheer Vị Dừa – ChaCheer Sunflower Seeds Coconut Flavor

2. Thành phần: Hạt hướng dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu dừa tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

40 g, 50 g, 75 g, 130 g, 180 g, 450 g, 5 kg và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trực tiếp trong bao giấy đa lớp, chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm là nhựa PE, bên ngoài là thùng carton hoặc theo yêu cầu khách hàng. Bao bì sử dụng phù hợp yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210.

Xuất xứ: Thái Lan.



III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, phân phối và kinh doanh sản phẩm “Hạt Hướng Dương ChaCheer Vị Dừa – ChaCheer Sunflower Seeds Coconut Flavor” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 3.25).

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1).

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 08 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



NI CHIH HAO



HÌNH ẢNH PHÒNG TO NHÃN SẢN PHẨM HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ DỪA 40 g

Hạt hương dương **ChaCheer** vị dứa

Thành phần: Hạt hương dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu dứa lỏng hợp.

Khối lượng tịnh: 40 g

NSX, HSD: Xem NSX, HSD ở mép gấp mặt sau bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được đè nén và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 77/VDN/2023



Nutrition Facts

1 serving per container

Serving size 1 package (20 g kernels)*

Amount Per Serving

Calories 120

% Daily value **

Total Fat 10 g 13%

Saturated Fat 1 g 5%

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0%

Sodium 220 mg 10%

Total Carbohydrate 4 g 1%

Dietary Fiber 2 g 7%

Total Sugars <1 g

Includes 0 g Added Sugars 0%

Protein 5 g

Vitamin D 0 mcg 0%

Calcium 0 mg 0%

Iron 0.9 mg 6%

Potassium 130 mg 2%

*Equals to (40 g) in this shell

** The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.



HÌNH ẢNH PHÓNG TO NHÃN SẢN PHẨM HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ DỪA 50 g

HẠT HƯƠNG DƯƠNG **ChoCheer** vị dứa

Thành phần: Hạt hương dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu dứa tổng hợp.

Khối lượng tịnh: 50 g

NSX, HSD: Xem NSX, HSD trên bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nền và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 77/VDN/2023

Nutrition Facts

About 0.83 servings per container.

Serving size 1/4 cup kernel (30 g)*

Amount per serving

Calories 180

% Daily value **

Total Fat 14 g 18 %

Saturated Fat 2 g 10 %

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0 %

Sodium 320 mg 14 %

Total Carbohydrate 6 g 2 %

Dietary Fiber 4 g 14 %

Total Sugars <1 g

Includes 0 g Added Sugars 0 %

Protein 8 g

Vitamin D 0 mcg 0 %

Calcium 30 mg 2 %

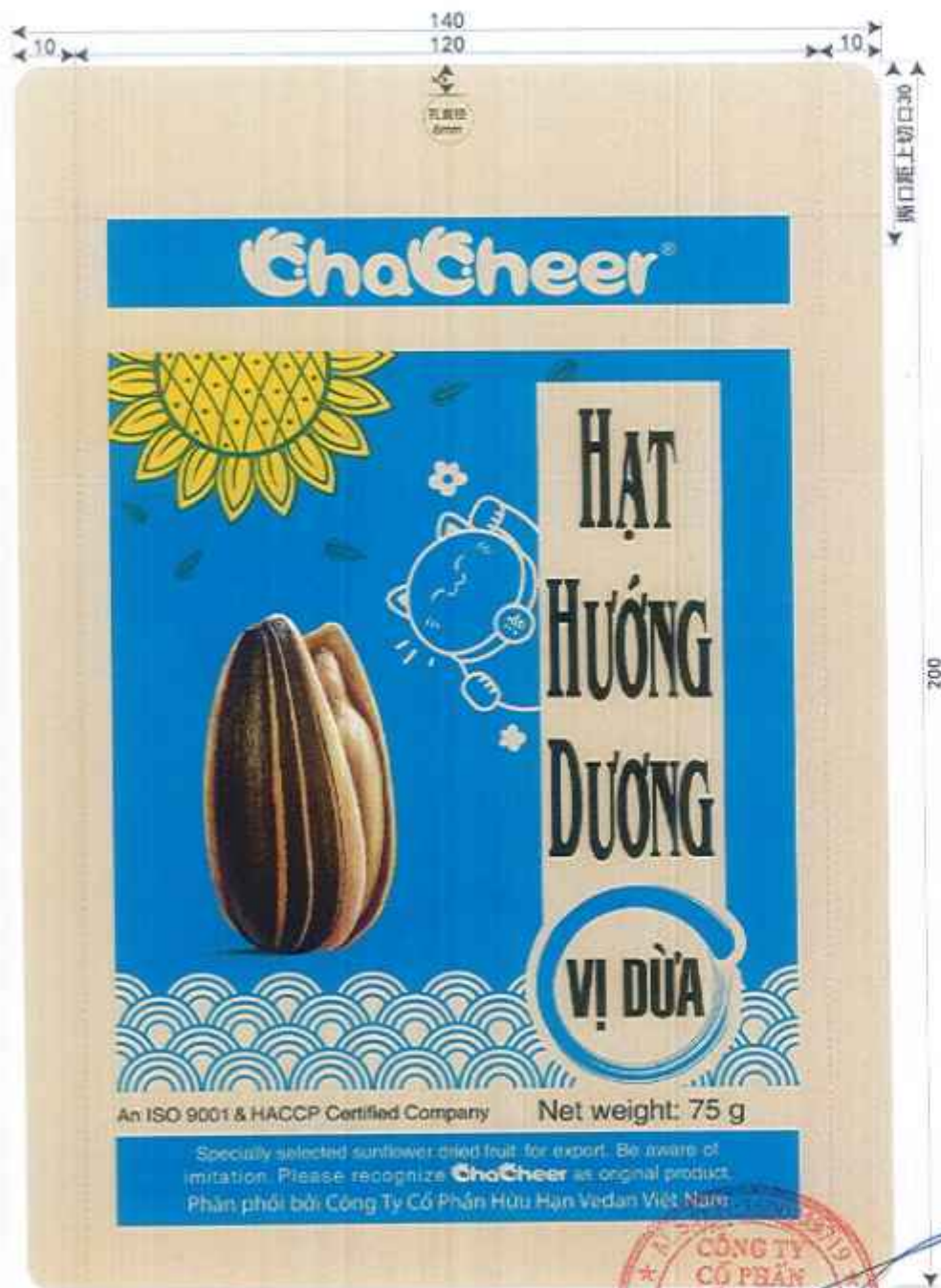
Iron 1.4 mg 8 %

Potassium 200 mg 4 %

* Equates to (60 g) in the shell.

** The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.





HÌNH ẢNH PHÒNG TO NHÃN SẢN PHẨM HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ DỪA 75 g

HẠT HƯƠNG DƯƠNG **ChoCheer** vị dứa

Thành phần: Hạt hương dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose).

hương liệu dứa tổng hợp

Khối lượng tịnh: 75 g

NSX, HSD: Xem NSX, HSD trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nén và không tác động lực mạnh

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD

Địa chỉ: 28 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 77/VDN/2023



NI CHIH HAO

Nutrition Facts

About 1.25 servings per container

Serving size 1/4 cup kernel (30 g)*

Amount per serving

Calories 180

% Daily value **

Total Fat 14 g 18 %

Saturated Fat 2 g 10 %

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0 %

Sodium 320 mg 14 %

Total Carbohydrate 6 g 2 %

Dietary Fiber 4 g 14 %

Total Sugars <1 g

Includes 0 g Added Sugars 0 %

Protein 8 g

Vitamin D 0 mcg 0 %

Calcium 30 mg 2 %

Iron 1.4 mg 8 %

Potassium 200 mg 4 %

* Equates to (60 g) in the shell

** The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

HÌNH ẢNH PHÒNG TO NHÃN SẢN PHẨM HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ DỪA 75 g

Hạt hương dương **ChaCheer** vị dứa

Thành phần: Hạt hương dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu dứa tổng hợp.

Khối lượng tịnh: 75 g

NSX, HSD: Xem NSX, HSD ở mặt sau bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nền và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsorn, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp TA, xã Phước Thới, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 77/VDN/2023



Nutrition Facts

About 1.25 servings per container

Serving size 1/4 cup kernel (30 g)*

Amount Per Serving

Calories 180

% Daily value **

Total Fat 14 g 18%

Saturated Fat 2 g 10%

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0%

Sodium 320 mg 14%

Total Carbohydrate 6 g 2%

Dietary Fiber 4 g 14%

Total Sugars <1 g

Includes 0 g Added Sugars 0%

Protein 6 g

Vitamin D 0 mcg 0%

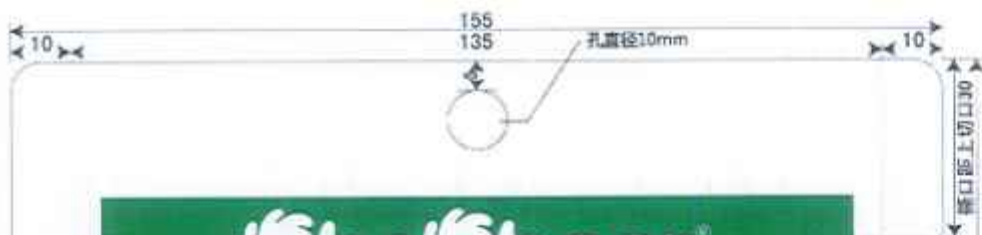
Calcium 30 mg 2%

Iron 1.4 mg 8%

Potassium 200 mg 4%

*Equals to (60 g) is the shell

** The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.



ChaCheer®



Net weight: 130g

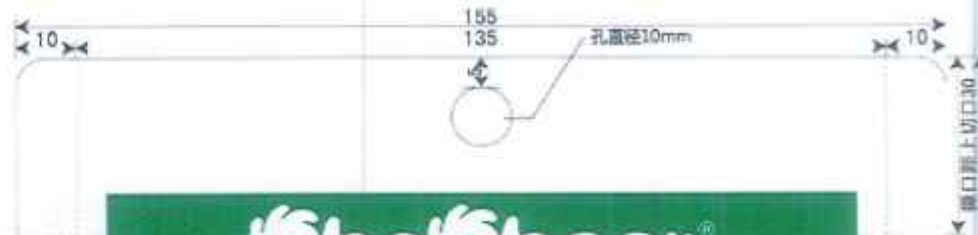
**HẠT
HƯƠNG
DƯƠNG
VỊ DỪA**

An ISO 9001 & HACCP Certified Company

Specially selected sunflower dried fruit for export only. Be aware of imitation. Please recognize **ChaCheer** as original product.
Phân phối bởi Công Ty Cổ Phần Hữu Hạn Vedan Việt Nam



210



ChaCheer®

Hạt hướng dương **ChaCheer** là sản phẩm được lựa chọn kỹ lưỡng để xuất khẩu sang thị trường các nước ngoài nước Việt Nam.
Hạt hướng dương 100%
NSC, HSD: theo HSD ghi trên bao bì sản phẩm.
Hương vị đặc trưng, giòn ngon, béo bùi, thơm mát.
Hương vị đặc trưng của hạt hướng dương được bảo quản kỹ lưỡng để đảm bảo chất lượng cho người tiêu dùng.
Hàng hóa được bảo quản kỹ lưỡng để đảm bảo chất lượng cho người tiêu dùng.
Mọi thắc mắc: 044 344 700 700 (Hàng ngày 8h - 17h)
Số điện thoại: 044 344 700 700
Email: info@vedan.vn
Website: www.vedan.vn

Nutrition Facts

Per 100g (3.5 oz)	
Calories	180
Total Fat	100%
Sodium	0%
Total Carbohydrate	0%
Protein	0%

HOW TO EAT **ChaCheer** SUNFLOWER SEEDS
Check the label with your seed for the best way to eat it.



Follow us on Twitter
ChaCheer_Official



Follow us on Facebook
ChaCheer_Official



Follow us on Instagram
chaicheer_official



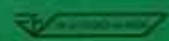
ChaCheer

MADE IN THAILAND

Made in Thailand



NSC:
HSD:



Do not litter

210

HÌNH ẢNH PHÒNG TO NHÃN SẢN PHẨM HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ DỪA 130 g

Hạt hương dương **ChoCheer** vị dừa

Thành phần: Hạt hương dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu dừa tổng hợp.

Khối lượng tịnh: 130 g

NSX, HSD: Xem NSX, HSD ở mặt sau bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nền và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp TÀ, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 77/VDN/2023



Nutrition Facts

About 2 servings per container

Serving size 1/4 cup kernel (30 g)*

Amount Per Serving

Calories 180

% Daily value **

Total Fat 14 g 18%

Saturated Fat 2 g 10%

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0%

Sodium 320 mg 14%

Total Carbohydrate 6 g 2%

Dietary Fiber 4 g 14%

Total Sugars <1 g

Includes 0 g Added Sugars 0%

Protein 8 g

Vitamin D 0 mcg 0%

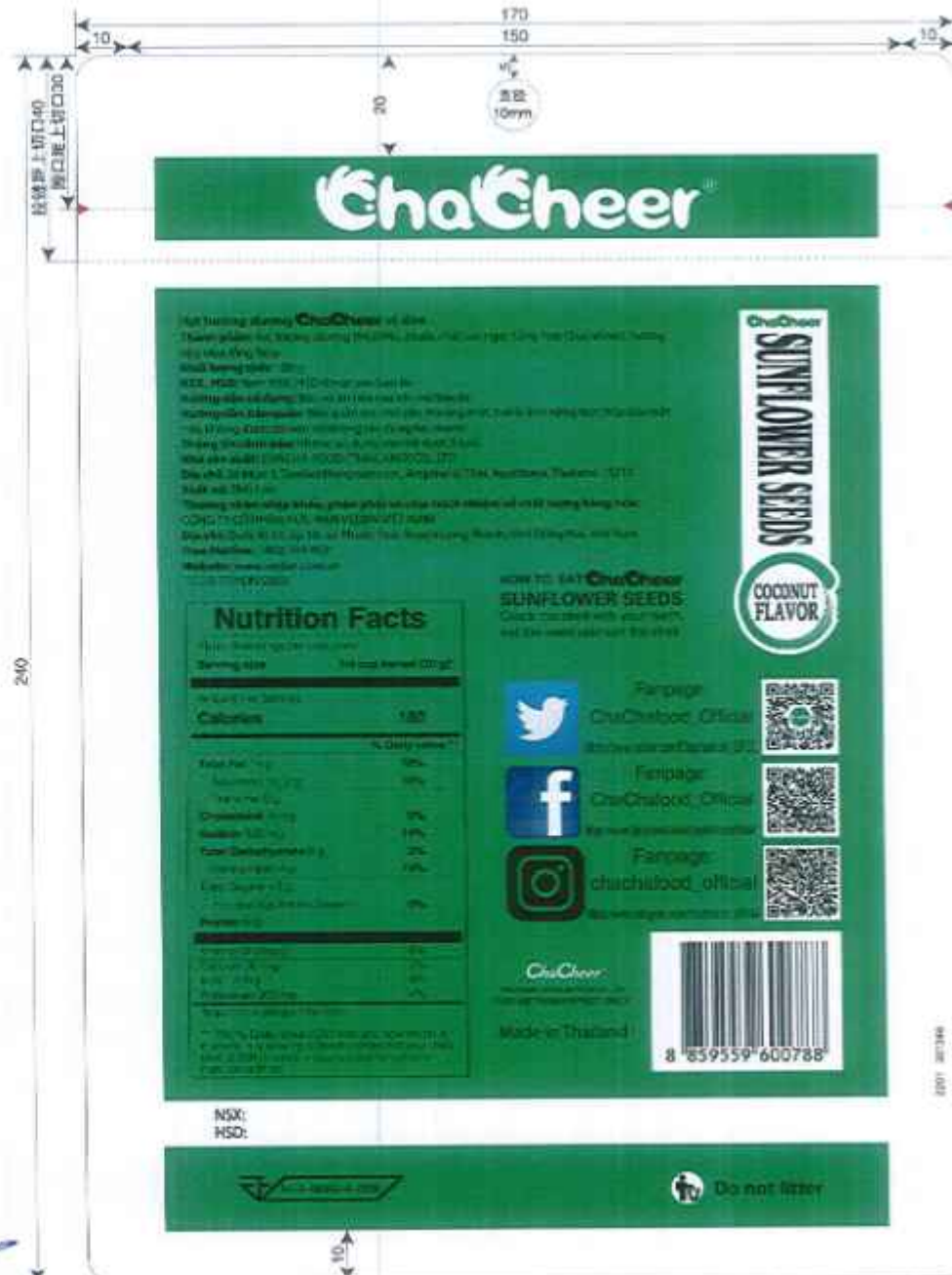
Calcium 30 mg 2%

Iron 1.4 mg 8%

Potassium 200 mg 4%

*Equals to (80 g) in the shell

** The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.



HÌNH ẢNH PHÒNG TO NHÂN SẢN PHẨM HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ DỪA 180 g

Hạt hướng dương **ChaCheer** vị dứa

Thành phần: Hạt hướng dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu dứa tổng hợp.

Khối lượng tịnh: 180 g

NSX, HSD: Xem NSX, HSD ở mặt sau bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nền và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 77/VDN/2023



Nutrition Facts

About 3 servings per container

Serving size 1/4 cup kernel (30 g)*

Amount Per Serving

Calories 180

% Daily value **

Total Fat 14 g 18%

Saturated Fat 2 g 10%

Trans Fat 0 g

Cholesterol 0 mg 0%

Sodium 320 mg 14%

Total Carbohydrate 6 g 2%

Dietary Fiber 4 g 14%

Total Sugars <1 g

Includes 0 g Added Sugars 0%

Protein 8 g

Vitamin D 0 mcg 0%

Calcium 30 mg 2%

Iron 1.4 mg 6%

Potassium 200 mg 4%

*Equals to (60 g) in the shell

** The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

Specialty selected sunflower dried fruit for export. Be aware of imitation. Please recognize **ChoCher** as original product.
Phân phối bởi Công Ty Cổ Phần Hữu Hạn Vedan Việt Nam



HÌNH ẢNH PHÓNG TO NHÃN SẢN PHẨM HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ DỪA 450 g

HẠT HƯƠNG DƯƠNG **ChaCheer** vị dứa

Thành phần: Hạt hương dương (94,64%); muối; chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose); hương liệu dứa tổng hợp

Khối lượng tịnh: 450 g

NSX, HSD: Xem NSX, HSD trên bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nắng và không tác động lực mạnh

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 77/VDN/2023



Nutrition Facts

About 7.5 servings per container

Serving size 1/4 cup kernel (30 g)*

Amount per serving

Calories 180

	% Daily value **
Total Fat 14 g	18 %
Saturated Fat 2 g	10 %
Trans Fat 0 g	
Cholesterol 0 mg	0 %
Sodium 320 mg	14 %
Total Carbohydrate 8 g	2 %
Dietary Fiber 4 g	14 %
Total Sugars <1 g	
Includes 0 g Added Sugars	0 %
Protein 8 g	
Vitamin D 0 mcg	0 %
Calcium 30 mg	2 %
Iron 1.4 mg	8 %
Potassium 200 mg	4 %

* Equates to (60 g) in the shell.

** The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

HẠT HƯƠNG DƯƠNG **ChaCheer** VỊ DỪA

Thành phần: Hạt hướng dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu dứa tổng hợp.

Khối lượng tịnh: 5 kg

NSX, HSD: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được đè nén và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur

U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

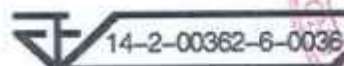
Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long

Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 77/VDN/2023



Nutrition Facts

About 83 servings per container

Serving size 1/4 cup kernel (30 g)*

Amount Per Serving

Calories 180

	% Daily value **
Total Fat 14 g	18%
Saturated Fat 2 g	10%
Trans Fat 0 g	
Cholesterol 0 mg	0%
Sodium 320 mg	14%
Total Carbohydrate 6 g	2%
Dietary Fiber 4 g	14%
Total Sugars <1 g	
Includes 0 g Added Sugars	0%
Protein 8 g	
Vitamin D 0 mcg	0%
Calcium 30 mg	2%
Iron 1.4 mg	8%
Potassium 200 mg	4%

*Equals to (60 g) in the shell

** The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.



8 859559 601792



Report N°: 0000254395

Page N° 1/6

Ho Chi Minh City, Date: July 26, 2023
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 26/07/2023

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHẢN TÍCH

JOB NO.: 2306A-1324
Đơn hàng: 2306A-1324

CLIENT'S NAME : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

CLIENT'S ADDRESS : NATIONAL ROAD 51, HAMLET 1A, PHUOC THAI VILLAGE, LONG THANH DISTRICT,
Địa chỉ : ĐÔNG NAI PROVINCE, VIETNAM
QL51, ẤP 1A, XÃ PHƯỚC THÁI, HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description : Food (approx. 0.607kg) in full label paper bags
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.607kg) chứa trong túi giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2306A-1324.001
Mã số mẫu

Client's reference : Hạt hướng dương ChaCheer vị dừa – ChaCheer Sunflower
Chú thích của khách hàng : Seeds Coconut Flavour

Date sample(s) received : June 14, 2023
Ngày nhận mẫu : 14/06/2023

Testing period : June 14, 2023 - June 27, 2023
Thời gian thử nghiệm : 14/06/2023 - 27/06/2023

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

196 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park In Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t:(84-28) 3935 1920 f:(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com.vn/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000254395

Page N° 2/6

DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Appearance	: Whole shell granules, relatively uniform, dry and crispy shell
Trạng thái	: Dạng hạt nguyên vỏ, tương đối đồng đều, khô ráo và vỏ giòn
Colour	: Characteristic light brown to dark gray colour of product
Màu	: Màu nâu nhạt đến xám đen đặc trưng của sản phẩm
Odor	: Coconut odour, no rancid and strange odour
Mùi	: Mùi thơm của dừa, không có mùi ôi và mùi lạ
Taste	: The seeds inside are fatty taste, light sweet and no strange taste
Vị	: Hạt bên trong có vị béo, ngọt nhẹ và không có vị lạ

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Note Ghi chú
1. Moisture and volatile matter (103°C) Độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi	ISO 665:2020	1.86	0.09	0.29	g/100g	
2. Total ash Tro tổng	ISO 749:1977	4.55	0.03	0.1	g/100g	
3. Total carbohydrate Cacbohydrat tổng	AOAC 986.25	16.85	-	-	g/100g	
4. Calories - United States (US) market Năng lượng - Thị trường Mỹ (US)	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases	585	-	-	kcal/100g	
5. Total dietary fiber TDF Xơ tổng TDF	AOAC 2017.16	11.36	_(a)	_(a)	g/100g	
6. Insoluble dietary fiber IDF and High molecular weight soluble dietary fiber HMW SDF Xơ không hòa tan IDF và xơ hòa tan phân tử cao HMW SDF	AOAC 2017.16	9.26	0.15	0.45	g/100g	
7. Low molecular weight soluble dietary fiber LMW SDF Xơ hòa tan phân tử thấp LMW SDF	AOAC 2017.16	2.10	0.01	0.02	g/100g	
8. Fat Béo	ISO 659:2009	51.08	0.1	0.3	g/100g	
9. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, G2) Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1, G2)	GB 5009.22-2016 (*)	Not Detected Không phát hiện	_(a)	_(a)	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

196 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Note <i>Ghi chú</i>
10. Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1</i>	GB 5009.22-2016 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/kg	
11. Aflatoxin B2 <i>Aflatoxin B2</i>	GB 5009.22-2016 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/kg	
12. Aflatoxin G1 <i>Aflatoxin G1</i>	GB 5009.22-2016 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/kg	
13. Aflatoxin G2 <i>Aflatoxin G2</i>	GB 5009.22-2016 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/kg	
14. Saturated fatty acids <i>Hàm lượng axit béo bão hòa</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	6.5448	0.0001	0.0003	g/100g	
15. Trans fatty acids <i>Hàm lượng axit béo chuyển hóa dạng trans</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0379	0.0001	0.0003	g/100g	
16. Cholesterol <i>Cholesterol</i>	LFOD-TST-SOP-8554	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	mg/100g	
17. Total sugars (sum of Fructose, Glucose, Lactose, Maltose, and Sucrose) <i>Đường tổng (tổng của Fructoza, Glucoza, Lactoza, Maltoza, và Sucroza)</i>	AOAC 2018.16 (*)	2.50	_(a)	_(a)	g/100g	
18. Glucose <i>Glucoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
19. Fructose <i>Fructoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
20. Lactose <i>Lactoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
21. Maltose <i>Maltoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
22. Sucrose <i>Sucroza</i>	AOAC 2018.16	2.50	0.03	0.1	g/100g	
23. Vitamin D (sum of vitamin D2 and vitamin D3) <i>Vitamin D (tổng của vitamin D2 và vitamin D3)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/100g	
24. Vitamin D2 (ergocalciferol) <i>Vitamin D2 (ergocalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/100g	

SGS Vietnam Ltd.

196 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park In Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/About-us/General-Conditions-of-Service.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Note <i>Ghi chú</i>
25. Vitamin D3 (cholecalciferol) <i>Vitamin D3 (cholecalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/100g	
26. Sodium (Na) <i>Natri</i>	AOAC 2011.14	807	-	1	mg/100g	
27. Potassium (K) <i>Kali</i>	AOAC 2011.14	626	-	1	mg/100g	
28. Calcium (Ca) <i>Canxi</i>	AOAC 2011.14	90	-	1	mg/100g	
29. Iron (Fe) <i>Sắt</i>	AOAC 2011.14	5.2	-	0.05	mg/100g	
30. Arsenic (As) <i>Asen (As)</i>	GB 5009.268-2016 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	0.01	mg/kg	
31. Lead (Pb) <i>Chì (Pb)</i>	GB 5009.268-2016 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- The methods remarked with an asterisk (*) are not currently within the ISO 17025 accreditation scope.
Phương pháp được đánh dấu một sao () chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025.*
- The methods without remark of a superscript number were performed by SGS HCM Laboratory; the ones remarked with a superscript number (*) were performed by SGS Can Tho Laboratory; and others remarked with two asterisks (**) were done by subcontractor that was mentioned in the parentheses after the method respectively.
Phương pháp không được đánh dấu với chỉ số trên được thực hiện bởi PTN SGS HCM; phương pháp được đánh dấu với chỉ số trên () được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ; và phép thử được đánh dấu với hai sao (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn sau phương pháp tương ứng.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.
LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from sum of individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g or Not Detected (at LOQ = 10 to meet some specific regulations) for samples without further dilution, <100 cfu/g for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested or Not Detected per sample volume tested (at LOQ = 1 to meet some specific regulations).

SGS Vietnam Ltd.

196 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park In Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/About/General-Conditions-of-Service.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả sẽ được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <10 cfu/g hoặc Không phát hiện (tại LOQ = 10 để phù hợp với vài luật định cụ thể); đối với mẫu không pha loãng thêm, <100 cfu/g đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể, theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <1 cfu trên thể tích mẫu được kiểm hoặc Không phát hiện trên thể tích mẫu được kiểm (tại LOQ = 1 để phù hợp với vài luật định cụ thể).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- (US) Carbohydrate (total) factor: 4.07 kcal/g, Fat factor: 8.37 kcal/g, Protein factor: 3.47 kcal/g
1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases).
(US) Hệ số của carbohydrat tổng: 4.07 kcal/g, hệ số của chất béo: 8.37 kcal/g, hệ số của chất đạm: 3.47 kcal/g
1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003) & Cơ sở dữ liệu dinh dưỡng thực phẩm quốc gia của USDA).
- The tests were performed on edible part without shell
Phương pháp thử chỉ được thực hiện trên phần ăn được, không bao gồm vỏ

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000232872 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000232872 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

196 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Conditions-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000254395

Page N° 6/6

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



SGS Vietnam Ltd.

196 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.²

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00094518
Mã số kết quả : AR-23-VD-096920-01-VI / EUVNHC-00225258



Công Ty Cổ Phần Hữu Hạn VEDAN Việt Nam
Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành
Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu : Hạt hướng dương ChaCheer vị dừa - ChaCheer Sunflower Seeds Coconut Flavour
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 26/07/2023
Thời gian thử nghiệm : 27/07/2023 - 28/07/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 29/07/2023
Mã số PO của khách hàng : LX2R2307265884
Mã số mẫu Eol : 005-32410-235028

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD263 VD (a) Đạm	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	25.7

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 29/07/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 29/07/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.